

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số** 0103006688, cấp lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004
0103006688, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 24 tháng 8 năm 2006
0103006688, điều chỉnh lần thứ hai ngày 15 tháng 12 năm 2006
0103006688, điều chỉnh lần thứ ba ngày 24 tháng 12 năm 2007
0100101308, điều chỉnh lần thứ tư ngày 26 tháng 3 năm 2010
0100101308, điều chỉnh lần thứ năm ngày 29 tháng 3 năm 2011
0100101308, điều chỉnh lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2011
0100101308, điều chỉnh lần thứ bảy ngày 28 tháng 5 năm 2012
0100101308, điều chỉnh lần thứ tám ngày 1 tháng 10 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị Phạm Duy Hạnh Chủ tịch
Vũ Đức Giang Thành viên
Nguyễn Thị Thanh Huyền Thành viên
Nguyễn Thiên Lý Thành viên
Thân Đức Việt Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Huyền Tổng Giám đốc
Nguyễn Thiên Lý Phó Tổng Giám đốc
Thân Đức Việt Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Giám đốc điều hành
(đến ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Trần Thị Lĩnh Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Giám đốc điều hành
(đến ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Trần Trọng Kim Giám đốc điều hành
Bạch Thăng Long Giám đốc điều hành
(từ ngày 24 tháng 12 năm 2013)

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-03-2014

KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 31-03-2014, được trình bày từ trang 5 đến 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-298-m



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-03-2014



Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		551.176.239.670	496.283.194.419
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.880.640.216	88.790.236.455
Tiền	111		52.880.640.216	56.034.673.177
Các khoản tương đương tiền	112		-	32.755.563.278
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.352.400.000	4.496.700.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		4.432.500.000	4.582.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(80.100.000)	(85.800.000)
Các khoản phải thu	130	6	260.579.742.539	225.204.662.183
Phải thu khách hàng	131		249.914.637.554	206.918.971.815
Trả trước cho người bán	132		4.746.233.902	11.639.736.744
Các khoản phải thu khác	135		6.146.511.529	8.356.008.993
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(227.640.446)	(1.710.055.369)
Hàng tồn kho	140	7	204.981.481.925	151.118.942.402
Hàng tồn kho	141		209.334.228.916	156.439.095.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.352.746.991)	(5.320.153.439)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.381.974.990	26.672.653.379
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		447.619.901	721.986.369
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.589.754.207	23.530.268.908
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.554.090.090	1.375.610.090
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.790.510.792	1.044.788.012
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		245.772.658.406	228.746.644.926
Tài sản cố định	220		201.746.131.822	198.255.122.826
Tài sản cố định hữu hình	221	8	194.632.430.731	196.352.282.334
Nguyên giá	222		598.036.593.475	597.756.525.440
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(403.404.162.744)	(401.404.243.106)
Tài sản cố định vô hình	227	9	882.038.405	- 577.767.042
Nguyên giá	228		4.387.111.470	3.605.911.470
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.505.073.065)	(3.028.144.428)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	6.231.662.686	1.325.073.450
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	11.499.542.731	19.403.775.446
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		4.984.542.731	8.913.775.446
Đầu tư dài hạn khác	258		6.515.000.000	10.490.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		32.526.983.853	11.087.746.654
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	30.982.814.162	8.385.140.970
Tài sản dài hạn khác	268		1.544.169.691	2.702.605.684
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		796.948.898.076	725.029.839.345

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		647.867.890.250	582.515.912.021
Nợ ngắn hạn	310		564.829.909.896	502.180.627.051
Vay ngắn hạn	311	13	164.146.817.929	172.158.250.012
Phải trả người bán	312	14	178.965.456.191	150.938.882.968
Người mua trả tiền trước	313		10.451.058.026	10.912.398.949
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	14.045.994.683	6.413.070.200
Phải trả người lao động	315		164.579.152.542	132.175.641.703
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	12.934.960.511	12.432.077.497
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	19.706.470.014	17.150.305.722
Vay và nợ dài hạn	330		83.037.980.354	80.335.284.970
Phải trả dài hạn khác	333		22.019.276.169	22.901.109.465
Vay và nợ dài hạn	334	18	52.350.920.833	43.004.352.153
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	19	-	9.000.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		8.667.783.352	5.429.823.352
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		148.332.497.957	141.543.915.005
Vốn chủ sở hữu	410	20	148.332.497.957	141.543.915.005
Vốn cổ phần	411	21	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		170.000.000	170.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	37.717.603.715	32.204.603.715
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	11.429.215.432	8.166.215.432
Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.015.678.810	21.003.095.858
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		748.509.869	970.012.319
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		796.948.898.076	725.029.839.345

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ USD	1.720.978	2.330.088

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

31 -03- 2014

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.842.577.772.606	1.492.685.271.533
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	428.862.670	646.575.834
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	1.842.148.909.936	1.492.038.695.699
Giá vốn hàng bán	11		1.571.518.551.673	1.227.974.425.340
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		270.630.358.263	264.064.270.359
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.007.723.681	6.150.970.908
Chi phí tài chính	22	26	10.140.973.034	9.961.778.312
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.477.841.487	9.114.295.514
Chi phí bán hàng	24		105.684.597.140	98.941.261.688
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		124.189.090.679	126.919.530.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		38.623.421.091	34.392.670.873
Thu nhập khác	31	27	12.856.712.651	8.368.751.648
Chi phí khác	32	28	6.723.830.113	4.797.763.804
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.132.882.538	3.570.987.844
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	45		379.390.964	634.792.399
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		45.135.694.593	38.598.451.116

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		45.135.694.593	38.598.451.116
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	13.478.416.510	4.513.326.227
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		31.657.278.083	34.085.124.889
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		559.148.891	507.653.728
Chủ sở hữu của Công ty	62		31.098.129.192	33.577.471.161
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.887	4.197
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	3.170	3.933

Người lập:

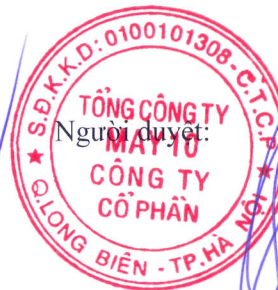


Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

31 -03- 2014



Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.135.694.593	38.598.451.116
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		79.536.092.202	75.734.327.071
Các khoản dự phòng	03		(9.973.106.448)	163.090.200
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		484.468.861	(447.632.430)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản	05		249.390.784	(5.360.086.559)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.198.224.878)	(2.805.687.333)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	05		(379.390.964)	(634.792.399)
Chi phí lãi vay	06		7.477.841.487	9.114.295.514
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		120.332.765.637	114.361.965.180
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(35.672.688.159)	(69.400.701.136)
Biến động hàng tồn kho	10		(52.895.133.075)	18.910.067.145
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		63.915.097.208	26.936.083.643
Biến động chi phí trả trước	12		(8.449.087.785)	(179.706.209)
			87.230.953.826	90.627.708.623
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.477.841.487)	(9.114.295.514)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(4.725.411.103)	(1.777.597.399)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	5.089.570.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.583.544.937)	(18.928.101.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.444.156.299	65.897.284.701
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(97.476.592.741)	(89.682.510.051)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		325.881.820	6.195.313.283
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn	23		-	(1.550.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng ngắn hạn	24		150.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các công ty khác	25		(2.505.000.000)	(3.975.000.000)
Tiền thu từ việc thu hồi các khoản đầu tư vào các công ty khác	26		6.480.000.000	1.257.200.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.306.848.557	3.165.687.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(91.718.862.364)	(84.589.309.435)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	605.754.685.634	471.585.294.314
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	33	-	20.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(604.700.003.606)	(446.211.100.174)
Tiền trả cổ tức cho chủ sở hữu	36	(12.486.715.128)	(23.106.242.125)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(290.000.001)	(220.000.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.722.033.101)	22.047.952.014
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(35.996.739.166)	3.355.927.280
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	88.790.236.455	85.463.238.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	87.142.927	(28.928.826)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	52.880.640.216	88.790.236.455

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

31 -03- 2014

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Tổng công ty, công ty con và lợi ích của Tổng công ty tại công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng công ty có công ty con và công ty liên kết sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2013	31/12/2012
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng	60,97%	60,97%
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Thiệu Đô	-	26%
Công ty Cổ phần Đông Bình	25%	25%

Cả ba công ty này đều được thành lập tại Việt Nam và đều hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hàng may mặc. Trong năm 2013, Tổng công ty đã thực hiện việc thoái vốn đầu tư khỏi Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua hình thức bù trừ công nợ phải trả với công ty này (Thuyết minh 32).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng công ty và công ty con có 7.226 nhân viên (31/12/2012: 6.738 nhân viên).

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu có cho tới ngày hết ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

ng

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ trong Tổng công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

04

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 3 năm.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí như chi phí sửa chữa và chi phí nâng cấp, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh trong vòng 18 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tổng công ty và công ty con.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng công ty và công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng công ty và công ty con không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp, dựa trên các ước tính hợp lý nhất của Ban Tổng Giám đốc đối với nghĩa vụ này.

ng

Tổng công ty Máy 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo Thông tư 180, khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu nguồn trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp sẽ hạch toán tăng thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không được chuyển số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm sang năm sau sử dụng. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Thông tư 180 cũng áp dụng cho dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo đó, Tổng công ty và công ty con đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Sự thay đổi chính sách kế toán này sẽ áp dụng phi hồi tố từ năm 2013.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng công ty và công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng công ty và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng công ty và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng công ty và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng ~~đi~~ thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác định rằng Tổng công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chần, khăn cotton, quần áo may sẵn và một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết, cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty và các công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tổng công ty và các công ty con, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.419.949.709	1.755.933.007
Tiền gửi ngân hàng	51.460.690.507	54.278.740.170
Các khoản tương đương tiền	-	32.755.563.278
	52.880.640.216	88.790.236.455

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn:		
▪ Cổ phiếu	132.500.000	132.500.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	4.300.000.000	4.450.000.000
	4.432.500.000	4.582.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(80.100.000)	(85.800.000)
	4.352.400.000	4.496.700.000

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	85.800.000	-
Tăng dự phòng trong năm	-	85.800.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.700.000)	-
	80.100.000	85.800.000

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	4.068.321.594	11.480.160.523

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	27.266.917.560	28.301.090.046
Nguyên vật liệu	62.868.262.278	42.860.113.179
Công cụ và dụng cụ	1.278.017.495	1.468.771.261
Sản phẩm dở dang	53.133.318.301	33.716.196.260
Thành phẩm	28.621.953.592	17.853.876.279
Hàng hóa	13.768.319.668	17.647.217.925
Hàng gửi đi bán	22.397.440.022	14.591.830.891
	209.334.228.916	156.439.095.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.352.746.991)	(5.320.153.439)
	204.981.481.925	151.118.942.402

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.320.153.439	5.422.958.054
Tăng dự phòng trong năm	-	1.857.952.005
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(967.406.448)	(1.960.756.620)
	4.352.746.991	5.320.153.439

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thành phẩm với giá trị ghi sổ là 8.042 triệu VND (31/12/2012: 8.045 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	165.671.461.247	376.042.404.962	21.218.070.033	34.824.589.198	597.756.525.440
Tăng trong năm	1.442.497.532	62.754.741.826	2.785.572.709	4.167.081.577	71.149.893.644
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	14.686.696.595	864.334.545	590.000.000	1.539.952.865	17.680.984.005
Thanh lý	(659.898.477)	(3.813.854.996)	(30.950.000)	(75.720.000)	(4.580.423.473)
Phân loại lại (*)	(19.033.000)	(75.756.501.813)	(65.372.000)	(8.129.479.328)	(83.970.386.141)
Số dư cuối năm	181.121.723.897	360.091.124.524	24.497.320.742	32.326.424.312	598.036.593.475
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	77.153.881.790	287.683.112.226	10.420.429.812	26.146.819.278	401.404.243.106
Khấu hao trong năm	15.912.270.461	53.289.527.834	6.030.558.733	3.823.673.206	79.056.030.234
Thanh lý	(84.625.873)	(3.813.854.996)	(30.950.000)	(75.720.000)	(4.005.150.869)
Phân loại lại (*)	(19.033.000)	(66.117.783.207)	(50.252.000)	(6.863.891.520)	(73.050.959.727)
Số dư cuối năm	92.962.493.378	271.041.001.857	16.369.786.545	23.030.880.964	403.404.162.744
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	88.517.579.457	88.359.292.736	10.797.640.221	8.677.769.920	196.352.282.334
Số dư cuối năm	88.159.230.519	89.050.122.667	8.127.534.197	9.295.543.348	194.632.430.731

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 285.049 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 223.521 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 67.376 triệu VND (31/12/2012: 28.878 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tổng công ty (Thuyết minh 18).

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.907.913.822	697.997.648	3.605.911.470
Tăng trong năm	800.000.000	-	800.000.000
Phân loại lại (*)	(18.800.000)	-	(18.800.000)
<hr/>			
Số dư cuối năm	3.689.113.822	697.997.648	4.387.111.470
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.377.553.630	650.590.798	3.028.144.428
Khấu hao trong năm	432.655.118	47.406.850	480.061.968
Phân loại lại (*)	(3.133.331)	-	(3.133.331)
<hr/>			
Số dư cuối năm	2.807.075.417	697.997.648	3.505.073.065
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	530.360.192	47.406.850	577.767.042
Số dư cuối năm	882.038.405	-	882.038.405

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 2.868 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 2.504 triệu VND).

104

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.325.073.450	9.304.958.206
Tăng trong năm	25.526.699.097	12.337.757.192
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(17.680.984.005)	(17.947.603.584)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(18.800.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(2.939.125.856)	(2.351.238.364)
Số dư cuối năm	<u>6.231.662.686</u>	<u>1.325.073.450</u>

Tại ngày báo cáo, các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án mở rộng Xí nghiệp May Hà Quảng	5.400.553.595	-
Dự án trường cao đẳng Long Biên	656.578.636	656.578.636
Xây tường gôm cho Veston Hưng Hà	-	38.540.269
Nhà kho của Tổng công ty	174.530.455	-
Lắp đặt thang máy cho Tổng công ty	-	555.454.545
Phần mềm quản lý nhân sự	-	74.500.000
	<u>6.231.662.686</u>	<u>1.325.073.450</u>

04

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013			31/12/2012		
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Đầu tư tài chính dài hạn tại:			VND			VND
▪ Công ty liên kết						
• Công ty TNHH Thiệu Đô	450.000	25%	4.984.542.731	-	26%	4.308.623.679
• Công ty Cổ phần Đông Bình				450.000	25%	4.605.151.767
			4.984.542.731			8.913.775.446
▪ Công ty khác						
• Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt may Việt Nam	348.000	2,04%	3.480.000.000	348.000	2,04%	3.480.000.000
• Công ty TNHH H.N.P	-	15%	1.500.000.000	-	15%	1.500.000.000
• Công ty TNHH G.M.I	-	7,72%	525.000.000	-	7,72%	525.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam	100.000	10%	1.010.000.000	100.000	10%	1.010.000.000
• Công ty TNHH 888	-	-	-	-	11%	3.975.000.000
			6.515.000.000			10.490.000.000
			11.499.542.731			19.403.775.446



24

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong năm của đầu tư tài chính dài hạn tại công ty liên kết là như sau:

	2013 VND	2012 ^a VND
Số dư đầu năm	8.913.775.446	8.638.983.047
Giảm vốn góp ở công ty liên kết	(4.308.623.679)	-
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	379.390.964	634.792.399
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	-	(360.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.984.542.731	8.913.775.446

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.092.772.522	1.523.683.143	1.768.685.305	8.385.140.970
Tăng trong năm	14.904.679.227	10.405.624.703	4.587.322.743	29.897.626.673
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	34.551.000	-	2.904.574.856	2.939.125.856
Phân loại lại từ tài sản cố định (*)	10.267.830.490	-	667.262.593	10.935.093.083
Phân bổ trong năm	(11.551.221.846)	(6.584.936.192)	(3.038.014.382)	(21.174.172.420)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.748.611.393	5.344.371.654	6.889.831.115	30.982.814.162

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá 3 năm.

ny

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	136.134.517.929	166.121.900.012
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	28.012.300.000	6.036.350.000
	164.146.817.929	172.158.250.012

Khoản vay ngắn hạn bằng USD từ một ngân hàng trong nước, không được đảm bảo và chịu lãi suất từ 3% đến 3,3%/năm.

14. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan	15.674.905.876	3.849.310.839

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.112.316.658	2.440.438.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.008.711.693	2.255.706.286
Thuế thu nhập cá nhân	863.254.644	1.157.895.070
Thuế nhà thầu	61.711.688	80.409.327
Các loại thuế khác	-	478.621.100
	14.045.994.683	6.413.070.200

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.485.111.106	2.288.654.092
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	110.019.462	82.850.160
Cổ tức phải trả	8.126.260.628	6.212.195.102
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.213.569.315	3.848.378.143
	<hr/>	<hr/>
	12.934.960.511	12.432.077.497
	<hr/>	<hr/>

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng công ty và công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	17.150.305.722	18.082.580.161
Trích lập trong năm	10.139.709.229	7.672.092.147
Sử dụng trong năm	(7.583.544.937)	(8.604.366.586)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.706.470.014	17.150.305.722
	<hr/>	<hr/>

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	60.363.220.833	29.040.702.153
Trái phiếu dài hạn (a)	20.000.000.000	20.000.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(28.012.300.000)	(6.036.350.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	52.350.920.833	43.004.352.153
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn UBND Tỉnh Quảng Bình (b)	VND	0%	2017	9.702.887.544	9.702.887.544
Vay dài hạn ngân hàng (c)	USD	5%	2016	20.853.753.424	19.337.814.609
Vay dài hạn ngân hàng (c)	VND	10%	2016	29.806.579.865	-
				60.363.220.833	29.040.702.153

- (a) Ngày 17 tháng 9 năm 2012, Tổng công ty phát hành 200.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 100.000 VND với thời hạn hai năm và sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 9 năm 2014. Số trái phiếu này chịu lãi suất 4% một năm và, vào ngày đáo hạn, sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ 1 trái phiếu tương ứng với 10 cổ phiếu.
- (b) Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không được đảm bảo.
- (c) Các khoản vay dài hạn ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 67.376 triệu VND (31/12/2012: 28.878 triệu VND) (Thuyết minh 8).

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	9.000.000.000	14.072.996.387
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 3(l))	(9.000.000.000)	-
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(5.072.996.387)
Số dư cuối năm	-	9.000.000.000

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	80.000.000.000	170.000.000	965.225.530	26.566.603.716	5.175.215.432	17.905.237.624	130.782.282.302	382.647.255	131.164.929.557
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(965.225.530)	-	-	-	(965.225.530)	-	(965.225.530)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	33.577.471.161	33.577.471.161	-	33.577.471.161
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.637.999.999	2.991.000.000	(8.628.999.999)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.450.612.928)	(7.450.612.928)	-	(7.450.612.928)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)	-	(14.400.000.000)
Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	5.089.570.200	5.089.570.200
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.217.455)	(5.472.217.455)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	80.000.000.000	170.000.000	-	32.204.603.715	8.166.215.432	21.003.095.858	141.543.915.005	-	141.543.915.005
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	31.098.129.192	31.098.129.192	-	31.098.129.192
Phân bổ vào các quỹ (Thuyết minh 22)	-	-	-	5.513.000.000	3.263.000.000	(8.776.000.000)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.871.317.761)	(9.871.317.761)	-	(9.871.317.761)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)	-	(14.400.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(38.228.479)	(38.228.479)	-	(38.228.479)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	80.000.000.000	170.000.000	-	37.717.603.715	11.429.215.432	19.015.678.810	148.332.497.957	-	148.332.497.957

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2013, Tổng công ty đã trích lập 5.513 triệu VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2012 vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 20). Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2013, Tổng công ty đã trích lập 3.263 triệu VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2012 vào Quỹ dự phòng tài chính trong phần vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 20).

23. Cổ tức

Ngày 10 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức cho năm 2013 số tiền là 14.400.000.000 VND (Thuyết minh 20).

Ngày 21 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức cho năm 2012 số tiền là 14.400.000.000 VND (Thuyết minh 20).

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.277.390.454.379	960.288.717.221
▪ Cung cấp dịch vụ	8.242.851.551	6.541.655.589
▪ Gia công	556.944.466.676	525.854.898.723
	<hr/> 1.842.577.772.606	<hr/> 1.492.685.271.533
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	428.862.670	646.575.834
	<hr/> 1.842.148.909.936	<hr/> 1.492.038.695.699
Doanh thu thuần		

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	1.081.848.557	2.580.687.333
Cổ tức được chia	225.000.000	225.000.000
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	891.376.321	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.219.919.325	2.455.833.617
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.149.688	447.632.430
Doanh thu hoạt động tài chính khác	585.429.790	441.817.528
	<hr/> 8.007.723.681	<hr/> 6.150.970.908

26. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	7.477.841.487	9.114.295.514
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.169.694.613	688.998.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	488.618.549	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.818.385	158.484.161
	<hr/> 10.140.973.034	<hr/> 9.961.778.312

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	9.000.000.000	-
Thu do thanh lý tài sản cố định	325.881.820	6.195.313.283
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	-	5.000.000
Thu nhập khác	3.530.830.831	2.168.438.365
	12.856.712.651	8.368.751.648

28. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	575.272.604	835.226.724
Chi phí khác	6.148.557.509	3.962.537.080
	6.723.830.113	4.797.763.804

29. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	6.651.663.029	4.344.447.019
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.826.753.481	168.879.208
Chi phí thuế thu nhập	13.478.416.510	4.513.326.227

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	45.135.694.593	38.598.451.116
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	11.283.923.648	9.649.612.779
Ưu đãi thuế	-	(589.931.182)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho đơn vị phụ thuộc	(889.036.498)	(786.574.909)
Ảnh hưởng của thay đổi mức thuế suất áp dụng cho công ty con	(79.921.958)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.993.021.446	405.155.981
Thu nhập không bị tính thuế	(56.250.000)	(56.250.000)
Miễn, giảm thuế	(3.350.073.609)	(5.476.690.028)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	(2.250.000.000)	1.199.124.378
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.826.753.481	168.879.208
	13.478.416.510	4.513.326.227

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	9.000.000.000	2.250.000.000

(d) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Tổng công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Công ty con của Tổng công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Theo Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ tài chính, công ty con của Tổng công ty thỏa mãn điều kiện là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do đó, mức thuế suất thu nhập của công ty con của Công ty áp dụng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm 2014 giảm xuống còn 20%.

Các đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty phải nộp thuế theo mức thuế suất giống như công ty mẹ ngoại trừ Xí nghiệp May Hà Quảng nộp thuế theo mức thuế suất 15%. Xí nghiệp May Hà Quảng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2006 - 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập cho 9 năm tiếp theo (2010 - 2018).

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 31.098.129.192 VND (2012: 33.577.471.161 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 8.000.000 cổ phiếu (2012: 8.000.000), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	31.098.129.192	33.577.471.161

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 Cổ phiếu	2012 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.000.000	8.000.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2013 VND	2012 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.887	4.197

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 31.698.129.192 VND (2012: 33.751.717.736 VND) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng là 10.000.000 cổ phiếu (2012: 8.580.822) từ trái phiếu chuyển đổi, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2013 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	31.098.129.192	33.577.471.161
Chi phí lãi vay của trái phiếu có thể chuyển đổi, sau thuế	600.000.000	174.246.575
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	31.698.129.192	33.751.717.736

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2013 Cổ phiếu	2013 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của trái phiếu có thể chuyển đổi phát hành ngày 17 tháng 9 năm 2012	2.000.000	580.822
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	10.000.000	8.580.822

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2013 VND	2012 VND
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.170	3.933

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng công ty và công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng công ty và công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng công ty và công ty con gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt)	(i)	51.460.690.507	87.034.303.448
Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	4.300.000.000	4.450.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	249.914.637.554	215.274.980.808
		<u>305.675.328.061</u>	<u>306.759.284.256</u>

(i) Tiền, các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt) và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Tổng công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng công ty và công ty con.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng công ty và công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá hợp nhất về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng công ty và công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng công ty và công ty con. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	2.032.809.442	2.953.592.716

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.710.055.369	1.614.149.886
Tăng dự phòng trong năm	-	180.094.815
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.482.414.923)	(84.189.332)
Số dư cuối năm	<u>227.640.446</u>	<u>1.710.055.369</u>

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng công ty và công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2013

	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dòng tiền theo hợp đồng Nghìn VND	Trong vòng 1 năm Nghìn VND	1 – 2 năm Nghìn VND	2 – 5 năm Nghìn VND
Vay ngắn hạn	136.134.518	140.218.553	140.218.553	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	189.305.286	189.305.286	189.305.286	-	-
Vay dài hạn	80.363.221	89.050.756	32.835.646	41.441.611	14.773.499
	405.803.025	418.574.595	362.359.485	41.441.611	14.773.499

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dòng tiền theo hợp đồng Nghìn VND	Trong vòng 1 năm Nghìn VND	1 – 2 năm Nghìn VND	2 – 5 năm Nghìn VND
Vay ngắn hạn	166.121.900	167.460.164	167.460.164	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	160.999.456	160.999.456	160.999.456	-	-
Vay dài hạn	49.040.702	53.094.211	1.805.566	32.636.126	18.652.519
	376.162.058	381.553.831	330.265.186	32.636.126	18.652.519

Tổng công ty và công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng công ty và công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng công ty và công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và công ty con có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.720.978	2.330.088
Phải thu khách hàng	10.625.647	8.718.001
Vay ngắn hạn	(6.456.463)	(8.270.706)
Phải trả người bán	(4.212.337)	(3.650.990)
Vay dài hạn	(609.033)	(639.033)
	<hr/>	<hr/>
	1.068.792	(1.512.640)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng công ty và công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
USD/VND	21.085	20.815
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng công ty và công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động quá khứ trong năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với
	lợi nhuận thuần
	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (3% mạnh lên so với VND)	507.048.285
	<hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (3% mạnh lên so với VND)	(708.426.036)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng công ty và công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng công ty và công ty con có vay ngắn hạn trị giá 136.135 triệu VND (31/12/2012: 166.122 triệu VND) và vay dài hạn trị giá 50.660 triệu VND (31/12/2012: 19.338 triệu VND) chịu lãi suất thả nổi.

ky

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng công ty và công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	55.760.690.507	91.484.303.448
Nợ phải trả tài chính	(29.702.887.544)	(29.702.887.544)
	<hr/>	<hr/>
	26.057.802.963	61.781.415.904
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(186.794.851.218)	(185.459.714.621)
	<hr/>	<hr/>

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Tổng công ty nắm giữ. Tổng công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu	52.400.000	52.400.000	46.700.000	46.700.000
- Các khoản đầu tư dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu	6.515.000.000	(*)	10.490.000.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	52.880.640.216	52.880.640.216	88.790.236.455	88.790.236.455
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.300.000.000	4.300.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	249.914.637.554	(*)	215.274.980.808	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(136.134.517.929)	(*)	(166.121.900.012)	(*)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(189.305.286.134)	(*)	(160.999.456.213)	(*)
- Vay dài hạn	(60.363.220.833)	(*)	(29.040.702.153)	(*)
- Trái phiếu chuyển đổi	(20.000.000.000)	(*)	(20.000.000.000)	(*)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(92.140.347.126)	(*)	(57.110.141.115)	(*)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền

Giá trị hợp lý của các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của những khoản này.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Liên quan đến giá trị hợp lý của những khoản này, Tổng công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2013 VND	2012 VND
Rút vốn đầu tư thông qua bù trừ công nợ phải trả	5.200.000.000	-

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	5.326.776.000	5.326.776.000
Lãi trái phiếu chuyển đổi	236.744.000	-
Mua nguyên vật liệu	232.181.818	242.450.193
Bán hàng hóa	299.598.182	365.784.550
Công ty TNHH Thiệu Đô		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	213.632.860	898.816.717
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.346.491.429	22.206.184.146
Công ty Xuất nhập khẩu Dệt may		
Mua hàng hóa	12.413.137.835	14.480.313.036

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Chi nhánh Tổng công ty Dệt may Việt Nam – Xí nghiệp SXKD Veston Hải Phòng		
Mua hàng gia công	69.407.742.540	67.967.517.395
Cho thuê máy móc thiết bị	4.906.898.827	4.888.928.511
Công ty Cổ phần Đông Bình		
Mua hàng gia công	1.109.765.508	459.930.769
Bán nguyên vật liệu	377.990.786	4.739.516.109

34. Cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tổng công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	88.365.478.068	43.201.904.212
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	29.061.102.333	5.098.220.400
	117.426.580.401	48.300.124.612

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	15.638.175.939	12.331.654.536
Trong vòng hai đến năm năm	30.340.718.260	27.436.448.680
Sau năm năm	114.746.272.724	120.916.050.889
	160.725.166.923	160.684.154.105

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	742.529.418.919	601.245.156.044
Chi phí nhân công	487.379.516.955	401.110.306.036
Chi phí khấu hao	79.536.092.202	75.734.327.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.009.485.310	138.621.257.153
Chi phí khác	163.075.186.583	50.246.603.829

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

31 -03- 2014

